

Bản án số: 340/2019/DS-ST

Ngày: 10/9/2019

*V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng quốc tế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến

2. Ông Đỗ Hữu Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1914/2015/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3176/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3568/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Quốc V

(Giấy ủy quyền số 70/NHNoPMH-KHKD ngày 28 tháng 02 năm 2019).

2. *Bị đơn:* Ông Hà Việt H, sinh năm 1972

Địa chỉ: 03 đường N, phường Đ, quận M, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng N có ông Trương Quốc V là đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 14/9/2010, ông Hà Việt H và Ngân hàng N – Chi nhánh P có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1009000081/HĐSDT ngày 14/9/2010 với hạn mức cho vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn hạn mức: 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 1,25%/tháng (15%/năm) và lãi suất này thay đổi theo quy định của Ngân hàng N trong từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay: vay tiêu dùng qua thẻ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 29/9/2010 đến ngày 10/6/2011, ông H đã sử dụng để thanh toán tiền mua hàng là 231.075.592 đồng, rút tiền mặt 171.490.000 đồng và tiền lãi, phí phát sinh là 49.417.964 đồng. Trong thời gian này ông H đã thanh toán được số tiền 136.447.470 đồng, Ngân hàng đã trừ vào số dư tương ứng tại thời điểm trả. Từ ngày 10/6/2011 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Do ông H không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ lãi, gốc nên đến 10/7/2011, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định đồng thời thông báo thu hồi nợ gốc và nợ lãi quá hạn. Từ ngày 10/7/2011, số dư nợ gốc của ông H là 315.536.086 đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Nếu bên sử dụng thẻ vi phạm thì Ngân hàng sẽ tiếp tục tính lãi trên toàn bộ dư nợ hoặc phần dư nợ còn lại của bên sử dụng thẻ và như vậy Ngân hàng tính lãi của kỳ tiếp theo trên tổng dư nợ của kỳ trước. Tạm tính đến ngày 10/9/2019, ông H còn nợ gốc và lãi quá hạn là 1.317.388.264 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Việt H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N nợ gốc và nợ lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1009000081/HĐSDT ngày 14/9/2010 tạm tính đến ngày 10/9/2019 là 1.317.388.264 đồng.

Phương thức thanh toán: trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 11/9/2019 theo mức 150% lãi suất nợ trong hạn được thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay.

** Tại bản khai, biên bản hòa giải ngày 11/7/2017, bị đơn ông Hà Việt H trình bày:*

Ông xác nhận có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/9/2010 với Ngân hàng N – Chi nhánh P. Ông sử dụng thẻ từ ngày 14/9/2010 cho đến năm 2013, ông trả gốc và lãi đầy đủ. Nhưng đến tháng 9/2013 ông làm ăn thua lỗ nặng nên hoàn cảnh khó khăn không thể thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông hiểu rõ trách nhiệm khoản nợ là phải trả, vì vậy ông đã nhiều lần làm đơn xin Ngân hàng giảm lãi suất và bỏ lãi phạt chậm trả nhưng Ngân hàng không giải quyết vì nói không có cơ chế. Ngân hàng vẫn tính lãi phạt nợ quá hạn là 150% nợ trong hạn và cộng chồng chất nên đến nay số nợ phát sinh là 603.976.838 đồng. Số tiền này ông không thể xoay sở được. Nay ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông trả số nợ gốc là 300.000.000 đồng, giảm lãi trong hạn và bỏ toàn bộ lãi phạt gốc.

Sau khi nộp bản khai và tham gia phiên hòa giải ngày 17/01/2017, ông Hà Việt H không tiếp tục có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Hà Việt H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn

bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Hà Việt H có ký với Ngân hàng N Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1009000081/HĐSDT ngày 14/9/2010 với hạn mức là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn hạn mức: 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm và lãi suất thay đổi theo quy định của Ngân hàng N trong từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Từ ngày 10/6/2011 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nên đến ngày 10/7/2011, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tuy nhiên, việc Ngân hàng áp dụng phương thức tính lãi trên toàn bộ dư nợ hoặc phần dư nợ còn lại của bên sử dụng thẻ và tính lãi của kỳ tiếp theo trên tổng dư nợ của kỳ trước là chưa phù hợp, dẫn đến lãi chồng lãi. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông H thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ: số 03 đường N, phường Đ, quận M, Thành phố H. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố H.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 14/9/2010, ông Hà Việt H và Ngân hàng N – Chi nhánh P có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1009000081/HĐSDT ngày 14/9/2010 với hạn mức là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn hạn mức: 24 tháng, lãi suất cho vay là 1,25%/tháng (15%/năm) và lãi suất này thay đổi theo quy định của Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) trong từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 29/9/2010 đến ngày 10/6/2011, ông H đã sử dụng để thanh toán tiền mua hàng là 231.075.592 đồng, rút tiền mặt 171.490.000 đồng và tiền lãi, phí phát sinh là 49.417.964 đồng. Trong thời gian này ông H đã thanh toán được số tiền 136.447.470 đồng, Ngân hàng đã trừ vào số dư tương ứng tại thời điểm trả. Từ ngày 10/6/2011 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Do ông H không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ lãi, gốc nên đến 10/7/2011, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định đồng

thời thông báo thu hồi nợ gốc và nợ lãi quá hạn. Từ ngày 10/7/2011, số dư nợ gốc ông H là 315.536.086 đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn thiếu là phù hợp với quy định tại tiểu mục f mục 12.1.2 khoản 12.1 Điều 12 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Nguyên đơn cho rằng theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Trường hợp bên B (bên sử dụng thẻ) không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu, Ngân hàng sẽ tiếp tục tính lãi trên toàn bộ dư nợ hoặc phần dư nợ còn lại của bên B (bên sử dụng thẻ). Như vậy Ngân hàng tính lãi của kỳ tiếp theo trên tổng dư nợ của kỳ trước.

Theo bảng kê chi tiết nợ phải thu của khách hàng Hà Việt H từ ngày 10/7/2011 đến ngày 10/9/2019 và Bảng sao kê sổ phụ tài khoản của ông Hà Việt H do Ngân hàng cung cấp thể hiện:

- Từ ngày 10/7/2011 đến ngày 10/9/2019, ông H thanh toán thêm được số tiền lãi là 115.561.220 đồng. Ngân hàng đã trừ số tiền ông H thanh toán vào dư nợ cuối kỳ.

- Dư nợ còn lại của ông H được Ngân hàng tính theo công thức: Số dư nợ kỳ sau = Dư nợ kỳ trước + nợ lãi quá hạn, nợ lãi trong hạn.

Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Số dư	Số tiền lãi trong hạn	Số tiền lãi quá hạn	Tổng nợ lãi trong hạn + quá hạn
...						
10/7/2019	09/8/2019	31	1.273.546.054	14.256.641	7.128.320	21.384.961
10/8/2019	09/9/2019	31	1.294.931.015	14.496.033	7.248.017	21.744.050
...						

Như vậy, Ngân hàng áp dụng cách tính lãi nêu trên và yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/9/2019 là 1.317.388.264 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm có quy định:

“1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.”.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì cách tính lãi nêu trên của Ngân hàng là chưa phù hợp, không có căn cứ pháp luật bởi lẽ Ngân hàng chỉ có quyền tính lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) trên dư nợ gốc. Việc Ngân hàng tính lãi của tổng dư nợ kỳ trước (bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh) dẫn đến lãi chồng lãi. Ngoài ra, trong hợp đồng tín dụng nói trên giữa các bên không có điều khoản về phạt vi phạm hoặc chế tài khác khi có vi phạm. Như vậy Ngân hàng không thể áp dụng chế tài nào khác ngoài chế tài tính lãi trên dư nợ gốc đối với ông H.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào dư nợ gốc từ ngày ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất áp dụng từng thời kỳ đối với thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng N làm cơ sở xác định trách nhiệm thanh toán của ông H.

Mức lãi suất cho vay áp dụng từ thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với thẻ tín dụng quốc tế như sau:

- Từ ngày 01/6/2011, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế là 20%/năm theo Công văn 3531/NHNo-KHTH ngày 24/5/2011.

- Từ ngày 01/5/2012, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế là 18%/năm theo Công văn 2452/NHNo-KHTH ngày 19/4/2012.

- Từ ngày 01/8/2012, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế là 16%/năm theo công văn 5962/NHNo-KHTH ngày 26/7/2012.

- Từ ngày 01/3/2013, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế là 14%/năm theo công văn 1238/NHNo-KHNV ngày 25/02/2013.

- Từ ngày 01/7/2013 đến nay, mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng quốc tế là 13%/năm theo công văn 4581/NHNo-KHNV ngày 27/6/2013.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do đó áp dụng cách tính như sau:

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Số tiền lãi quá hạn
10/07/11	30/04/12	296	315.536.086	30%	77.832.235
01/05/12	31/07/12	92	315.536.086	27%	21.771.990
01/08/12	28/02/13	212	315.536.086	24%	44.595.767
01/03/13	26/06/13	118	315.536.086	21%	21.719.401
27/06/13	10/09/19	2267	315.536.086	19,5%	387.465.166

Số tiền gốc và lãi ông H còn nợ từ ngày 10/7/2019 tạm tính đến ngày 10/9/2019 gồm nợ gốc: 315.536.086 đồng; Lãi quá hạn: 553.384.558 đồng.

Từ ngày 10/7/2011 đến ngày 10/9/2019, ông H thanh toán thêm được số tiền lãi là 115.561.220 đồng (theo bảng kê sổ phụ tài khoản của ông H do Ngân hàng cung cấp), do đó số tiền lãi quá hạn còn lại là: 553.384.558 đồng – 115.561.220 đồng = 437.823.338 đồng;

Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hà Việt H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/9/2019 tổng cộng là 753.359.424 (bảy trăm năm mươi ba triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 315.536.086 đồng và lãi quá hạn là 437.823.338 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/9/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 564.028.840 (năm trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.134.377 (ba mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi bảy) đồng tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.561.154 (hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, một trăm năm mươi bốn) đồng đối với số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Luật Thi hành án dân sự;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N:

Buộc bị đơn ông Hà Việt H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1009000081/HĐSDT ngày 14/9/2010, tạm tính đến ngày 10/9/2019 tổng cộng là 753.359.424 (bảy trăm năm mươi ba triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 315.536.086 đồng và lãi quá hạn là 437.823.338 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/9/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vay.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Hà Việt H phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 564.028.840 (năm trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.134.377 (ba mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi bảy) đồng.

Ngân hàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.561.154 (hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, một trăm năm mươi bốn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.079.537 đồng theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003279 ngày 22/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng N còn phải nộp thêm số tiền là 12.481.617 (mười hai triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương